TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2024
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Châm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn
Bà Ngô Thị Thuý Hảo

***Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 762/2023/HNST ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1985; Địa chỉ: … đường Đ, Phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Có mặt.

Bị đơn: Ông Vương Đình T, sinh năm 1970; Địa chỉ: … đường B, Phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2023 và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Mai Thị H trình bày:

Bà và ông Vương Đình T tự nguyện tìm hiểu, thấy phù hợp đã tổ chức lễ cưới, chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Bà và ông T chung sống hạnh phúc thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có cùng quan điểm sống nên không tìm được tiếng nói chung, ông T thường uống rượu say, có những lời lẽ xúc phạm danh dự, cư xử thô bạo đối với bà. Khoảng tháng 9/2022, khi bà đi ngủ nhưng ông T vẫn ở bên ngoài chửi mắng, xúc phạm bà, khi bà không trả lời ông T đã lấy dao vào chỗ bà nằm đòi chém khiến bà hoảng sợ phải ra ngoài thuê nhà ở 6 tháng. Sau sự việc này, bà đã nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn đối với ông T nhưng do ông T lên Toà cam đoan sẽ không hành hung bà, lúc đó vì thương con còn nhỏ nên bà đã rút đơn khởi kiện để con có bố mẹ chăm sóc. Đầu tháng 10/2023, ông T tiếp tục uống rượu say, đập phá đồ đạc khiến bà khiếp sợ nên đã dẫn con gái ra

ngoài thuê nhà ở từ ngày 15/10/2023 tới nay. Việc ông T thường xuyên bạo hành bà về tinh thần, thể xác dẫn tới tình cảm vợ chồng của bà dành cho ông T không còn, hôn nhân không mang lại sự hạnh phúc và bà thấy vợ chồng không còn khả năng tiếp tục chung sống. Hiện tại, bà xét thấy tình nghĩa vợ chồng của bà và ông T không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Vương Đình T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Vương Đức M sinh ngày 18/10/2004 (đã trưởng thành) và Vương Thị Thủy N sinh ngày 27/8/2012. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N vì cháu là con gái cần có sự chăm sóc, dạy dỗ của mẹ, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con lớn là Vương Đức M đã trưởng thành, đang ở với ông T nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 30/11/2023; Biên bản hoà giải ngày 08/01/2024 bị đơn - ông Vương Đình T thể hiện ý kiến:

Việc bà H trình bày về thời gian kết hôn của ông và bà H là đúng. Về việc ông mắng chửi, đánh đập bà H là có, nguyên nhân là do kinh tế gia đình quá khó khăn dẫn tới việc ông không điều chỉnh được tâm lý, khi bức xúc đã không làm chủ được bản thân và đánh bà H. Tuy nhiên, ông vẫn còn yêu thương bà H rất nhiều, gần đây ông phát hiện ra bà H nhắn tin qua lại với người đàn ông khác nên vợ chồng đã cãi vã, va chạm. Do không muốn gia đình tan vỡ nên ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Vương Đức M sinh ngày 18/10/2004 (đã trưởng thành) và Vương Thị Thủy N sinh ngày 27/8/2012. Trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Vương Thị Thủy N và yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Lý do ông yêu cầu được nuôi cháu N vì bà H không có nhà cửa ổn định, khi vợ chồng ly hôn bà H sẽ đi tìm người đàn ông khác nên ông không đồng ý giao cháu N cho bà H nuôi. Mặt khác, M hiện đang do ông trực tiếp nuôi dưỡng nên ông muốn nuôi cả cháu N để hai anh em gần gũi, không bị chia cắt.

Tại phiên tòa:

Bà Mai Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân của bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà H có yêu cầu ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn nhưng không tham gia phiên toà thể hiện việc ông T không tha thiết hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H;

Về con chung: Yêu cầu của bà H về việc nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vương Thị Thủy N là có căn cứ vì cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu N còn nhỏ, là con gái nên cần có sự chăm sóc của mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con:

Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Mai Thị H yêu cầu ly hôn với ông Vương Đình T thường trú tại Vũng Tàu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ hai ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[2]. *Về nội dung*:

Ông Vương Đình T và bà Mai Thị H tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương nơi bà H và ông T chung sống thì do ông T và bà H thường xuyên đi làm, ít khi ở nhà nên địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa hai người.

Bà H xác định bà đã hết tình nghĩa vợ chồng với ông T, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau theo như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Vương Đình T để tiến hành hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, ông T vắng mặt không lý do chứng tỏ không tha thiết muốn hàn gắn mâu thuẫn, muốn đoàn tụ cùng bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị H đối với ông Vương Đình T theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 19; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*: Bà H và ông T có 02 con chung là Vương Đức M sinh ngày 18/10/2004 (đã trưởng thành) và Vương Thị Thủy N sinh ngày 27/8/2012. Cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ vì xác định mẹ chăm sóc cháu tốt hơn bố. Xét thấy cháu N là con gái nên việc cháu ở chung với mẹ sẽ đảm bảo việc nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục cháu hơn ở với bố.

Việc ông T lấy lý do bà H không có chỗ ở ổn định để không giao con cho bà H nuôi là chưa phù hợp với thực tế khách quan. Thực tế, ông T và bà H đều chưa có nhà ở ổn định. Trước đây, ông T và bà H có 01 căn nhà tạm xây dựng trên đất nông nghiệp mua bằng giấy tờ viết tay nhưng sau này căn nhà nằm trong diện giải toả nên căn nhà đã bị tháo dỡ. Ông T là bảo vệ, bà H là bảo mẫu nên so về điều kiện kinh tế của hai người là ngang nhau. Do bà H là bảo mẫu nên đảm bảo về thời gian đưa đón con đi học hơn ông T. Vì vậy việc bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N là có căn cứ, được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung: Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa giải quyết; ông T không thể hiện ý kiến về việc yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3].Về án phí: Bà Mai Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 275 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 19; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị H ly hôn ông Vương Đình T.

2. Về con chung: Bà Mai Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của bà H và ông T là Vương Thị Thủy N sinh ngày 27/8/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung: Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Mai Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002078 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân.

5. Về quyền kháng cáo: Bà H có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông T vắng mặt tại phiên tòa thời gian kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm